

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV23B2** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH02213** Học kỳ: **02**
Tên MH/MĐ: **Sinh thái nông nghiệp và PTBV**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2356201163492	Nguyễn Phát Đạt	19/09/2008			8	6.0				8.0		7.5
2	2356201163493	Phùng Tấn Đạt	21/01/2008			8	6.0				9.0		8.1
3	2356201163494	Võ Thị Huỳnh Giao	16/10/2008			7	6.0				10.0		8.5
4	2356201163495	Mạch Văn Hào	20/04/2008			10	5.0				9.0		8.1
5	2356201163497	Trần Quốc Khải	20/09/2008			8	6.0				10.0		8.7
6	2356201163498	Nguyễn Phan Đăng Khoa	07/12/2008			10	6.0				9.0		8.3
7	2356201163499	Tăng Trung Kiên	20/06/2008			10	8.0				10.0		9.5
8	2356201163500	Trần Quốc Kiệt	23/01/2008			9	7.0				8.5		8.2
9	2356201163502	Dương Văn Linh	05/05/2008			0	0.0				0.0	0.0	0.0
10	2356201163503	Lương Hồng Lĩnh	21/08/2008			10	5.0				10.0		8.7
11	2356201163504	Nguyễn Phước Lộc	25/10/2008			10	8.0				10.0		9.5
12	2356201163506	Phan Tấn Nghiệp	07/11/2008			10	6.0				10.0		8.9
13	2356201163508	Trần Thị Yên Nhi	07/05/2007			8	6.0				10.0		8.7
14	2356201163509	Nguyễn Thị Như	07/09/2008			7	7.0				10.0		8.8
15	2356201163510	Trần Sĩ Pháp	12/11/2008			0	0.0				0.0	0.0	0.0
16	2356201163511	Trần Thanh Phong	30/07/2008			0	0.0				0.0	0.0	0.0
17	2356201163512	Nguyễn Cao Thái	03/10/2008			7	7.0				5.0		5.8
18	2356201163513	Phạm Văn Thảo	04/10/2008			10	7.0				10.0		9.2
19	2356201163514	Nguyễn Hoàn Thiện	30/08/2008			10	6.0				0.0		2.9
20	2356201163515	Nguyễn Thị Kim Thoa	12/06/2008			6	6.0				10.0		8.4
21	2356201163516	Nguyễn Văn Tình	23/06/2008			8	6.0				10.0		8.7
22	2356201163517	Hà Thị Bảo Trâm	29/08/2008			6	7.0				10.0		8.7
23	2356201163518	Trần Bảo Trọng	06/11/2008			0	0.0				0.0	0.0	0.0
24	2356201163519	Nguyễn Lâm Vũ	12/05/2008			8	6.0				10.0		8.7

Châu Đốc, ngày 25 tháng 6 năm 2024

TP. Đào tạo Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng Nguyễn Tiến Đạt